TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2017
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Triệu Khánh Long
2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lâm Minh Tuấn, Thẩm tra viên Toà án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa***: Ông Hồ Văn Phân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2017/TLST-HNGĐ ngày 06/3/2017 về việc "Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thạch Thị Lệ H; sinh năm 1980 (có mặt)
Địa chỉ: khóm S, phường H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông Tăng S; sinh năm 1980 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp TS, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Thạch Thị Lệ H trình bày:

Vào năm 2004, bà với ông Tăng S được hai bên gia đình tổ chức đám cưới nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, bà với ông S cùng sống chung nhà với cha mẹ của bà tại khóm S, phường H, thị xã C, tỉnh Sóc trăng. Trong quá trình chung sống, giữa bà với ông S có với nhau hai con chung tên Tăng Thị Huỳnh N, giới tính: Nữ, sinh ngày 01/01/2005 và Tăng Khánh D, sinh ngày 05/8/2009, giới tính: Nam, sinh ngày 05/8/2009, hiện nay cháu N và cháu D đang sống chung với ông bà nội của các cháu – là cha mẹ của ông S.

Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống với nhau hạnh phúc. Nhưng dần dần phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn với nhau ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do: Ông S không chăm lo làm ăn, thường hay uống rượu và khi uống rượu về thì ông S hay đánh đập bà. Do quá sức chịu đựng nên bà bỏ đi lên Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn. Hiện nay bà với ông S không còn sống chung từ năm 2014 cho đến nay. Nay bà cảm thấy giữa bà với ông S không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thành nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa bà với ông Tăng S là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đứa con tên Tăng Thị Huỳnh N, giới tính: Nữ, sinh ngày, 01/01/2005 đến đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của cháu N. Đồng thời, bà cũng đồng ý giao đứa con tên Tăng Khánh D, giới tính: Nam, sinh ngày 05/8/2009 cho ông Tăng S chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của cháu D.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Tăng S, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa xét xử ông S đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến thời điểm tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với bị đơn tại phiên tòa hôm nay mặc dù Tòa án đã triệu hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản lấy lời khai đương sự và quá trình tranh tụng tại phiên tòa cho thấy: Tình trạng hôn nhân giữa bà Thạch Thị Lệ H với ông Tăng S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông S đã có hành vi bạo lực gia đình nhiều lần đối với bà H. Mặt khác, giữa bà H với ông S sống chung với nhau từ năm 2004 cho đến nay vẫn chưa tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và hiện nay giữa bà H với ông S không còn chung sống với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố mối quan hệ sống chung giữa bà Thạch Thị Lệ H với ông Tăng S không phải là quan hệ vợ chồng, các mối quan hệ còn lại giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Sau khi Toà án tiến hành thụ lý vụ án về việc "Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng" của bà Thạch Thị Lệ H theo thủ tục chung, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn biết để có ý kiến, nhưng bị đơn không có ý kiến. Tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông S.

Về nội dụng vụ án:

- Xét "Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng" của bà Thạch Thị Lệ H:

Về quan hệ hôn nhân: Việc tranh chấp giữa Thạch Thị Lệ H và ông Tăng S là loại kiện hôn nhân và gia đình, bà H và ông S cưới và chung sống với nhau từ năm 2004 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý" và tại Khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010 quy định "nam nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng". Như vậy, hôn nhân giữa bà Thạch Thị Lệ H với ông Tăng S không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Tại phiên toà, bà Hoan vẫn giữ nguyên yêu cầu "Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng" với ông Tăng S. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Khoản 1 Điều 9, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ chung sống giữa bà Thạch Thị Lệ H và ông Tăng S là vợ chồng.

Về con chung: Ghi nhận nguyện vọng của cháu Tăng Thị Huỳnh N, giới tính: Nữ, sinh ngày 01/01/2005 được sống với bà H và cháu Tăng Khánh D, giới tính: Nam, sinh ngày 05/8/2009 được sống với ông S khi Tòa án tuyên bố quan hệ chung sống giữa bà H và ông S không phải là quan hệ vợ chồng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho bà H và ông S, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà Thạch Thị Lệ H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 8 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Khoản 1 Điều 9, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Tuyên bố quan hệ sống chung của bà Thạch Thị Lệ H và ông Tăng S không phải là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Bà Thạch Thị Lệ H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tăng Thị Huỳnh N, giới tính: Nữ, sinh ngày 01/01/2005 đến đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của cháu N.

Ông Tăng S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tăng Khánh D, giới tính: Nam, sinh ngày 05/8/2009 đến đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của cháu D.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Thạch Thị Lệ H phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà

bà đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0005437, ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C. Như vậy, bà H đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- UBND phường H và xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Đua